Bài 2 Nuôi trồng cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long

SVEN GENSCHICK

Một trong những xu hướng quan trọng nhất hiện nay ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là phát triển lĩnh vực cá tra, đặc biệt là nuôi trồng và chế biến – một ngành phụ thuộc rất nhiều vào nguồn tài nguyên nước để phục vụ sản xuất. Đây cũng chính là một trong những nguồn gây ô nhiễm nước chủ yếu ở ĐBSCL. Sau đây là một số kết quả sơ bộ từ nghiên cứu thực tế:

Cá da trơn Việt Nam, được biết đến với tên gọi phổ biến là "cá tra" (*Pangasianodon hypopthalmus)* hoặc *"*cá basa" (*Pangasius Bocourti)*, đã trở nên nổi tiếng khắp thế giới và được xuất khẩu đi hơn 100 quốc gia trên toàn cầu.

Việc đánh bắt và nuôi cá là một phần không thể thiếu trong sinh kế của người dân ở vùng ĐBSCL. Từ những thập niên 60, người ta đã bắt cá con ở những kênh rạch về để nuôi trong ao hoặc "vèo" (lưới) theo hình thức quảng canh. Sau đó, vào những năm cuối của thập niên 90, nhờ vào những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ nhân giống nghề nuôi cá tra đã có bước phát triển nhảy vọt.

Nguồn cung cấp giống nhân tạo dồi dào đã tạo điều kiện cho nghề nuôi cá tra thâm canh phát triển. Hiện nay, việc nuôi loài cá này rất phổ biến, chủ yếu là nuôi ở mật độ cao (khoảng 40 con/$m^{2)}$ trong những ao lớn với độ sâu dao động từ 2 đến 5 mét. Trong khi đó, mô hình nuôi cá bè đang có chiều hướng giảm đi. Việc chuyển đổi từ quy trình nuôi bán khép kín (nuôi bè) sang mô hình nuôi khép kín (nuôi ao) là do người nuôi có thể quản lý nguồn nước tốt hơn. Ngoài ra, nuôi cá trong ao hiệu quả hơn, đặc biệt là việc chữa bệnh cho cá và quản lý hiệu quả nguồn thức ăn, cũng như tạo điều kiện để người nuôi có thể nuôi trồng quanh năm mà không phụ thuộc vào chế độ dòng chảy theo mùa.

Thành công của việc nuôi cá tra có liên quan chặt chẽ đến sự hình thành của các ngành công nghiệp chế biến thủy sản, cũng như các tiểu ngành như chế biến phụ phẩm, chế biến thức ăn cho cá, các sản phẩm thú y, dịch vụ cũng như các thiết bị kỹ thuật khác. Lĩnh vực này đã tạo ra nguồn sinh kế cho hơn 150 000 người dân, trong đó đa phần là phụ nữ ở nông thôn. Từ khi những sản phẩm thủy sản được bán rộng khắp trên thế giới, nuôi cá đã trở thành một ngành sản xuất rất quan trọng ở Việt Nam và đóng góp đặc biệt vào sự phát triển nông thôn ở vùng ĐBSCL.

Cho cá ăn với thức ăn nhân tạo

Ảnh: Sven Genschick (2010)

Ở T.p. Cần Thơ, sau nhiều năm phát triển khá thành công với lợi nhuận cao, việc nuôi cá tra trong thời gian gần đây đã và đang làm cho nông dân nuôi cá và các đối tượng trong ngành có liên quan "vỡ mộng". Sản lượng cá tra đã tạo nên những tác động từ bên ngoài không dự báo được, như là vấn đề ô nhiễm hay những vụ bán phá giá thường xuyên gây ra những mâu thuẫn cần phải được giải quyết. Hơn nữa, sự dao động của giá cả do không kiểm soát được sản lượng nguyên liệu, sự thay đổi nhu cầu của thị trường xuất khẩu và sự tăng giá của thức ăn và con giống. Điều này đã gây khó khăn cho việc nuôi cá tạo ra lợi nhuận. Đặc biệt, do thời gian nuôi cá kéo dài từ sáu đến mười tháng, một khoảng thời gian mà chỉ có đầu tư mà không tái huy động được vốn, đã gây ra nhiều trở ngại cho

người nuôi khi lên kế hoạch đầu tư. Có thể nói nguy cơ thua lỗ trong sản xuất luôn tồn tại. Thế nhưng, trong thời gian gần đây, nguy cơ này đã đạt mức báo động. Mặc dù tỉ lệ về sản lượng cá được nuôi ở vùng nuôi riêng biệt của công ty đang tăng lên, hiện nay hơn 50% sản lượng cá xuất khẩu là do nguồn cung từ phía nông hộ nuôi cá thể hoặc nuôi theo mô hình hợp tác xã. Tuy nhiên, kể từ năm 2006/2007, số lượng hộ nuôi ngừng sản xuất, tình trạng "treo ao" ngày càng tăng lên. Thay vào đó những hộ này chuyển sang nuôi các loài cá có thể bán ở thị trường địa phương. Người dân cho rằng hướng sản xuất này sẽ có giá cả ổn định hơn cũng như chi phí đầu tư thấp hơn.

Tình trạng dao động của giá cả thị trường nêu trên đã dẫn đến nhiều vấn đề tương ứng, chẳng hạn như các vấn đề về chính sách thắt chặt tín dụng, vay vốn từ các nguồn tín dụng tư nhân với lãi suất cao, chậm thanh toán, và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau giữa các đối tượng trong ngành nuôi cá, đặc biệt là giữa người nuôi và những công ty chế biến thủy sản. Điển hình như việc thiếu nguyên liệu một phần là do các công ty thủy sản chậm thanh toán, và do đó, người nuôi không thể đóng lãi và trả tiền vay đúng thời hạn. Do không vay được vốn mới, nông dân không thể đầu tư cho vụ mùa mới, gây ảnh hưởng đến số lượng nguyên liệu đầu vào. Hậu quả là, khi nguồn nguyên liệu trở nên khan hiếm, giá sẽ lại tăng và gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Tình trạng này giống như một vòng lẩn quẩn cần phải được phá vỡ.

Bên cạnh việc có được cái nhìn tổng quan về cơ chế và mạng lưới quan hệ trong ngành cá tra, trong khuôn khổ dự án WISDOM, nghiên cứu này tập trung vào thực trạng và những nhân tố ảnh hưởng đến việc nuôi cá.

Nền tảng kiến thức của nông dân, những kinh nghiệm và công việc họ đã làm trước đây, những quy định của Nhà nước, cũng như điều kiện tự nhiên như là khả năng tiếp cận nguồn nước và chất lượng nước là những vấn đề cốt lõi cần được nghiên cứu sâu hơn. Đặc biệt là những phát minh khoa học kỹ thuật phục vụ cho quy trình nuôi cá tra đã ảnh hưởng như thế nào đến cách thức canh tác truyền thống của người nông dân cũng sẽ được nghiên cứu thấu đáo hơn.

Công nghiệp chế biến cá

Ảnh: Simon Benedikter (2009)

Tình hình giá cả và lợi nhuận trong lĩnh vực nuôi trồng cá tra từ 2008 - 2011

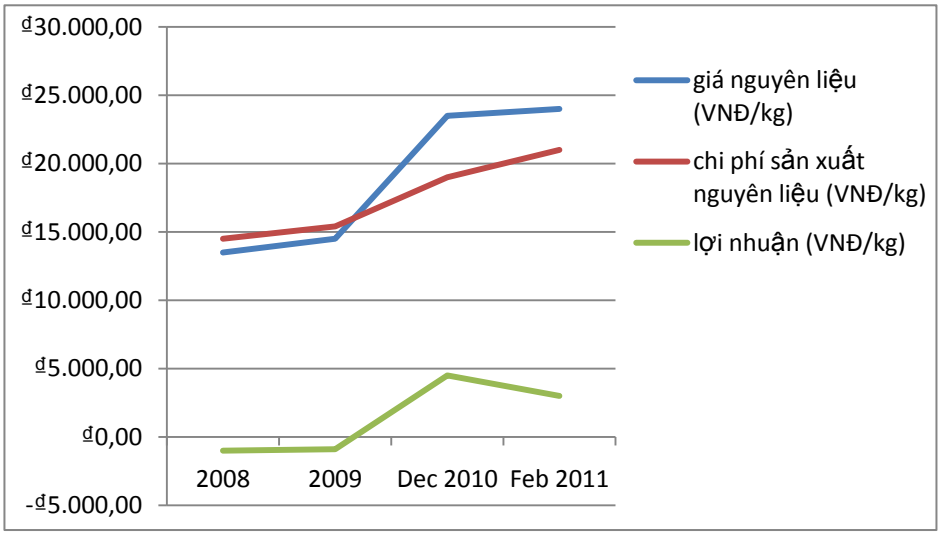

Biểu đồ: Sven Genschick, 1US $ = 20,652,25 đồng / (Tháng 5 năm 2011)

Sven Genschick đã tốt nghiệp chuyên ngành Địa lý từ trường ĐH Bonn (CHLB Đức). Từ năm 2007 đến 2010, anh làm Trợ lý nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Phát triển ZEF, ĐH Bonn. Hiện tại, tác giả là nghiên cứu sinh Tiến sĩ tại ZEF theo khuôn khổ dự án WISDOM.